

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12 năm 2023)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ PHỤNG**. Ngày tháng năm sinh: 21/4/1983
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mẫu giáo Họa Mi
- Nơi thường trú: Số nhà 203, tổ 8 ấp kênh 7A, Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 091183005898;
- Ngày cấp: 30/11/2022; nơi cấp cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **HOÀNG ĐIỆP HÙNG**; Ngày tháng năm sinh: 15/8/1973
- Nghề nghiệp: Làm việc tự do
- Nơi làm việc kênh 7A, Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang
- Nơi thường trú: Số nhà 203, tổ 8 ấp kênh 7A, Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 091073011454
- Ngày cấp: 18/11/2021; nơi cấp cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **HOÀNG NGUYỄN ĐAN THI** ; Ngày tháng năm sinh: 23/11/2008
- Nơi thường trú: Số nhà 203, tổ 8 ấp kênh 7A, Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
..... ngày cấp.....

nơi cấp

3.2. Con thứ hai Con thứ hai:

- Họ và tên: **HOÀNG NGUYỄN ANH THƯ** ; Ngày tháng năm sinh: 23/01/2015
- Nơi thường trú: Số nhà 203, tổ 8 ấp kênh 7A, Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:



1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 203, tổ 8 ấp kênh 7A, Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang
- Diện tích: 795m² thổ cư.
- Giá trị: 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số 229045; Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp; ngày cấp: 07/02/2023
- Thông tin khác (nếu có): Do ông Hoàng Diệp Hùng đứng tên

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Nông nghiệp
- Địa chỉ: Số nhà 203, tổ 8 ấp kênh 7A, Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang
- Diện tích: 5748.6 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 300.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số 229047; Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp; ngày cấp: 07/02/2023
- Thông tin khác (nếu có): Do ông Hoàng Diệp Hùng đứng tên

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 203, tổ 8 ấp kênh 7A, Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang
- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng: 100 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 150.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số 229045; Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp; ngày cấp: 07/02/2023
- Thông tin khác (nếu có): Do ông Hoàng Diệp Hùng đứng tên

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- = Tên công trình:..... Địa chỉ:.....
- = Loại công trình:..... Cấp công trình:
- = Diện tích:
- = Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 175.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 120.000.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 55.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM: *Không có biến động*

Loại tài sản, thu nhập	Tăng /giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			

nytd

<p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.</p>		175.000.000đ	
---	--	--------------	--

Tân Hiệp, ngày 31 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

Tân Hiệp, ngày 31 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Nguyễn Thị Phụng